

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH LỤC  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17/11/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Xuân Phong và bà Nguyễn Thị Điệp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Giang Yên - Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/10/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn Q, sinh năm 1986; Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn 4 Cát Lại, xã Bn, huyện B, tỉnh Hà Nam; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Đào Thị Lại Th, sinh năm 1985; Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn 4 Cát Lại, xã Bn, huyện B, tỉnh Hà Nam; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Trường Th, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 6 ngách 4 ngõ 1 đường Lĩnh Nam, phường M, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2022 và bản tự khai ngày 23/6/2022 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Văn Q trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Đào Thị Lại Th kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bn, huyện B, tỉnh Hà Nam ngày 07/5/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Th uống thuốc ngủ có ý định tự tử, phải đi rửa ruột và trong khi vợ chồng đang chung sống chị đã phá thai rất nhiều lần. Sau khi kết hôn, vợ chồng cũng có tài sản để giành như vàng, xe máy nhưng chị Th tự ý bán, sử dụng một mình và hiện anh không thấy những tài sản đó đâu. Bên cạnh đó, vợ chồng không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống, làm ăn kinh tế. Vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, chửi nhau, xúc phạm nhau. Ngoài ra chị Th luôn nghi ngờ anh có quan hệ ngoại tình với những người phụ nữ khác nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Gia đình đã hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng không được. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, đến đời sống chung vợ chồng. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị Đào Thị Lại Th.

Tại bản tự khai ngày 23/6/2022, ngày 03/10/2022; văn bản trình bày ý kiến ngày 06/7/2022 cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị Đào Thị Lại Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bn, huyện B, tỉnh Hà Nam ngày 07/5/2007. Vợ chồng chung sống đến cuối năm 2015 anh Q bỏ nhà theo người phụ nữ khác và mâu thuẫn đã xảy ra. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q ngoại tình, anh chị không còn tin tưởng nhau, anh Q có con riêng ở ngoài nên từ năm 2015 anh Q bỏ nhà đi hẳn, không quan tâm đến gia đình và vợ con, một mình chị phải gánh vác hết gia đình nhà chồng và con cái. Anh Q đã ngoại tình rất nhiều lần, giờ quay về ruộng bỏ vợ con, rũ bỏ trách nhiệm với gia đình để đến người phụ nữ khác. Chị phát hiện anh Q có con riêng với người phụ nữ khác là do chính anh Q đưa người phụ nữ tên C và cháu bé là con riêng của hai người về nhà, lần thứ hai chị biết anh Q có con riêng với người khác là tại Lễ mừng thọ cho bố chồng chị vào ngày 05/01/2022 âm lịch, anh Q bế một bé trai về nhà dự lễ mừng thọ và chụp ảnh cùng bố chồng chị. Qua tin nhắn điện thoại, anh Q thừa nhận việc có con riêng là con trai ở bên ngoài và nhắn tin với chị rằng *“Không để được con trai thì tôi phải đi tìm thôi sau này còn có đứa thờ tôi”*. Hiện chị vẫn đang ở nhà chồng và nuôi con một mình trong bảy năm qua. Vợ chồng ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Chị vẫn quan tâm đến anh Q và cuộc sống của anh nhưng anh Q đã bỏ bằng gia đình và các con để cho chị xoay sở và làm kinh tế một mình nuôi con. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh Q xin ly hôn, chị không đồng ý, muốn anh từ bỏ bỏ bịch quay về cùng chị nuôi dạy các con. Tuy nhiên chị cũng không có giải pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Tại phiên tòa hôm nay: anh Q, chị Th đều xác định vợ chồng có hai con chung là các cháu Trần Khánh L, sinh ngày 15/11/2008; Trần Phương M, sinh ngày 11/02/2014; hiện hai cháu đang ở với chị Th từ năm 2015 cho đến nay. Ly hôn, anh Q, chị Th thống nhất giao chị Th nuôi dưỡng cả hai cháu L, M; anh Q anh góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu M 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) một tháng.

Về tài sản chung: Anh Q xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị Th xác định vợ chồng có tài sản chung là mảnh đất có số thửa 221, tờ bản đồ số 35, diện tích 88m<sup>2</sup> (bao gồm 40m<sup>2</sup> đất ở và 48m<sup>2</sup> đất vườn) tại thôn 4 Cát Lại, xã Bn, huyện B, tỉnh H trị giá 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng); nguồn gốc thửa đất là của bố chồng ông Trần Văn Th, sinh năm 1932, địa chỉ: Thôn 4 Cát Lại, xã Bn, huyện B, tỉnh Hà Nam tặng cho vợ chồng năm 2015. Hiện mảnh đất trên mang tên ông Trần Văn Th. Ly hôn, chị yêu cầu chia đôi để chị xây nhà cho các con ở một nửa, anh Q sử dụng một nửa.

Về tài sản riêng, công nợ, công sức, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Anh Q và chị Th đều xác định không có, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có quan điểm: Tại phiên tòa ông Th vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn có nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chấp nhận giao cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và buộc nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con cho bị đơn là 2.000.000 đồng/1 tháng/1 cháu.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Không vi phạm; Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Văn Q đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị Đào Thị Lại Th chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy

định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử lý hôn giữa anh Q và chị Th; Về con chung: Giao cháu Trần Khánh L và cháu Trần Phương M cho chị Th nuôi dưỡng, anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Th đối với cháu M 4.000.000đ/ tháng, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi; Về án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con: anh Q phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn Q xin ly hôn chị Đào Thị Lại Th, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”* theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; chị Th có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn 4 Cát Lại, xã Bn, huyện B, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Trường Th có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử vắng mặt ông Th là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn Q và chị Đào Thị Lại Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Bn, huyện B, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 07/5/2007 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống, làm ăn kinh tế. Vợ chồng không tin tưởng nhau, chị Th cho rằng anh Q có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, có con riêng. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2015 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án hai lần triệu tập chị Th tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Th đều vắng mặt và chị không có thiện chí hợp tác. Tại biên bản làm việc giữa Tòa án với chính quyền địa phương xã Bn thì địa phương có quan điểm mâu thuẫn của vợ chồng

anh chị đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng của anh chị đã chấm dứt, khả năng đoàn tụ là khó và đề nghị Tòa án giải quyết việc anh chị ly hôn theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được vì vậy xử cho anh Q được ly hôn chị Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Việc xin đoàn tụ của chị Th chỉ là kéo dài cuộc hôn nhân không hạnh phúc gây khó khăn cho cuộc sống của cả hai bên anh chị mà thôi.

[4] Về con chung: Anh Q, chị Th đều xác định vợ chồng có hai con chung là các cháu Trần Khánh L, sinh ngày 15/11/2008; Trần Phương M, sinh ngày 11/02/2014; hiện hai cháu đang ở với chị Thương từ năm 2015 cho đến nay. Ly hôn, anh Q, chị Th thống nhất giao chị Th nuôi dưỡng cả hai cháu L, M; anh Q góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu M 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) một tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, các cháu L, M do chị Th nuôi dưỡng khỏe mạnh, phát triển bình thường và cả hai cháu đều có nguyện vọng tiếp tục được ở với mẹ để ổn định cuộc sống, học tập. Hiện chị Th có thu nhập ổn định mỗi tháng từ 06 triệu đồng từ việc làm công nhân công ty Vina Naus nên chị Th có đủ điều kiện nuôi dưỡng hai cháu. Hiện anh Q làm nghề lái xe, công việc thường xuyên phải di chuyển ở bên ngoài. Theo cung cấp của chính quyền địa phương xã Bn thì hiện tại mức chi phí sinh hoạt của một cháu ở độ tuổi cháu L, M tại địa phương là 2 đến 3 triệu đồng một tháng. Do vậy để ổn định cuộc sống, đảm bảo quyền lợi và nguyện vọng của hai cháu L, M; Hội đồng xét xử thấy cần giao cho chị Th nuôi dưỡng cả hai cháu L, M; anh Q tự nguyện góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu M 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) một tháng là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của chị Th, anh Q, cháu L, M và quan điểm của chính quyền địa phương.

[5] Về tài sản chung: Đối với yêu cầu của chị Th về việc đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng là mảnh đất có số thửa 221, tờ bản đồ số 35, diện tích 88m<sup>2</sup> (bao gồm 40m<sup>2</sup> đất ở và 48m<sup>2</sup> đất vườn) tại thôn 4 Cát Lại, xã Bn, huyện B, tỉnh Hà Nam trị giá 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng); nguồn gốc thửa đất là của bố chồng ông Trần Văn Th, sinh năm 1932, địa chỉ: Thôn 4 Cát Lại, xã Bn, huyện B, tỉnh Hà Nam tặng cho vợ chồng năm 2015. Hiện mảnh đất trên mang tên ông Trần Văn Th. Ly hôn, chị yêu cầu chia đôi để chị xây nhà cho các con ở một nửa, anh Q sử dụng một nửa. Hội đồng xét xử thấy rằng: do nguyên đơn anh Q xác định vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu

Tòa án giải quyết nên chị Th yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng thì chị phải nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại các Điều 195, 200 và 202 Bộ luật tố tụng dân sự do chị Th không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải nộp tiền tạm ứng án phí. Tuy nhiên, sau khi được Tòa án giải thích và tổng đạt thông báo nộp tiền tạm ứng án phí hợp lệ chị Th không nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí mà không có lý do chính đáng, như vậy chị đã từ bỏ yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của chị. Ngày 12/8/2022 Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam đã ra thông báo số 01/TB-TA với nội dung: không thụ lý giải quyết yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là thửa đất số 221 tờ bản đồ số 35 diện tích 88 m<sup>2</sup> tại thôn 4 Cát Lại, xã Bn, huyện B, tỉnh Hà Nam của chị Th là đúng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử cũng không xem xét giải quyết đối với yêu cầu của chị Th. Chị Th có quyền khởi kiện để xem xét giải quyết đối với yêu cầu của chị bằng một vụ kiện khác theo trình tự tố tụng dân sự.

[6] Về tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do anh Q, chị Th đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí ly hôn sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: anh Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

**1.** Xử cho anh Trần Văn Q ly hôn chị Đào Thị Lại Th.

**2.** Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh Q và chị Th giao cho chị Th được quyền nuôi dưỡng cháu Trần Khánh L, sinh ngày 15/11/2008; Trần Phương M, sinh ngày 11/02/2014; anh Q có trách nhiệm góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Th đối với cháu M 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) một tháng kể từ tháng 11/2022 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện theo định kỳ hàng tháng.

Chị Th cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Q trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với các cháu Trần Khánh L và Trần Phương M.

### 3. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Văn Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Đổi trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà anh Q đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số AA/2021/0000466 ngày 23/6/2022. Anh Q phải nộp tiếp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Anh Trần Văn Q, chị Đào Thị Lại Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

#### **Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Bn, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Lương Thị Ngọc**

